

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 138/QĐ - HĐQT

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

- Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ- BCN ngày 09/8/2006 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty chế tạo Thiết bị điện Cẩm Phả thành Công ty cổ phần Thiết bị điện –TKV nay là Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả;
- Căn cứ Nghị quyết số 13.7/NQ - HĐQT, ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả về việc phê duyệt giao kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021 Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả.

- Tổng doanh thu là: **627.385.830.000 đồng** (Có biểu chi tiết kèm theo). Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi bảy tỷ, ba trăm tám mươi năm triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng.

- Kế hoạch dự án đầu tư: **34.429.870.010 đồng** (Có biểu chi tiết kèm theo). Bằng chữ: Ba mươi tư tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, không trăm mười đồng.

Điều 2. Đồng chí Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021.

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các đơn vị trong Công ty căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, Công đoàn (P/h);
- HĐQT (b/c)
- GD,các PGĐ (t/h);
- Các đơn vị trong Công ty (t/h);
- Lưu VP, TCHC.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Giang

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SXKD, ĐẦU TƯ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 4.88./QĐ- HĐQT, ngày 25/ của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả)

1. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021

- Các chỉ tiêu hiện vật năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đơn giá (1.000 đ)	Số lượng	Thành tiền (1.000 đ)	Trong TKV và khách hàng khác	Ngoài TK
I	Hàng chế tạo mới	1.000đ			532,684,330	34,834,924	497,849,406
1	Máy biến áp dầu dưới 110kV	Cái		24	8,497,830	4,660,224	3,837,606
	Loại <180kVA	Cái	175,300	10	1,753,000		1,753,000
	Loại 250kVA đến 320kVA	Cái	153,338	2	306,676	153,338	153,338
	Loại 400kVA đến 560kVA	Cái	216,190	4	864,760	432,380	432,380
	Loại 630kVA đến 750kVA	Cái	237,253	4	949,012	474,506	474,506
	Loại 1000kVA - 1800kVA	Cái	512,191	2	1,024,382		1,024,382
	Loại 2000kVA đến 2500 kVA	Cái	620,266		-		-
	Loại 3200kVA đến 5600 kVA	Cái	868,000		-		-
	Loại 6300 kVA đến 7.500kVA	Cái	1,800,000	2	3,600,000	3,600,000	-
	Loại >10000kVA	Cái	2,200,000	0	-	-	-
2	Máy biến áp 110kV	Cái		43	468,011,800	6,000,000	462,011,800
	Loại 25MVA	Cái	8,596,100	8	68,768,800		68,768,800
	Loại 40MVA	Cái	10,170,400	10	101,704,000		101,704,000
	Loại 52MVA	Cái	11,300,000	2	22,600,000		22,600,000
	Loại 63MVA	Cái	12,224,500	22	268,939,000		268,939,000
	Loại 12MVA	Cái		1	6,000,000	6,000,000	
3	Máy biến áp 220kV	Cái		1	32,000,000	0	32,000,000
	Loại 220kV	Cái	32,000,000	1	32,000,000		32,000,000
4	Trạm biến áp hầm lò P.Nổ	Trạm		10	9,770,700	9,770,700	
	Loại 240kVA (250kVA)	Trạm	423,630	2	847,260	847,260	
	Loại 320 - 400kVA	Trạm	588,970	1	588,970	588,970	
	Loại 630kVA- 800kVA		853,850	4	3,415,400	3,415,400	
	Loại 1000kVA- 1250kVA		1,639,690	3	4,919,070	4,919,070	
5	Biến thế khoan phòng nổ	Cái	39,200	10	392,000	392,000	
6	Biến thế chiếu sáng P. Nổ	Cái	34,600	30	1,038,000	1,038,000	
7	Tủ điện các loại	Tủ	150,000	6	900,000	900,000	
8	Trạm trọn bộ kiểu kios (cả MBA)	Trạm	420,000	6	2,520,000	2,520,000	
9	Tủ biến tần, KĐM phòng nổ (90kW)	Tủ	194,200	20	3,884,000	3,884,000	

10	Attomat phòng nổ	Cái	47,500	30	1,425,000	1,425,000	
11	Khởi động từ phòng nổ	Cái	52,500	10	525,000	525,000	
12	Quạt gió lò phòng nổ	Cái	41,000	10	410,000	410,000	
13	Máy hàn các loại	Cái	31,000	10	310,000	310,000	
14	Hàng cao su				1,500,000	1,500,000	
	Joong, phốt các loại	Tr.đ			1,000,000	1,000,000	
	Cao su vá cáp	Tr.đ			500,000	500,000	
15	Than điện các loại	Tr.đ			1,500,000	1,500,000	
II	Hàng sửa chữa	1000đ			81,701,500	4,343,600	77,357,900
1	S/c động cơ, máy phát	Cái		85	19,522,500	2,164,600	17,357,900
	Từ < 30 kW	Cái	9,100	10	91,000	91,000	-
	Từ 40 kW đến 75 kW	Cái	32,000	10	320,000	192,000	128,000
	Từ 76 kW đến 100 kW	Cái	48,000	5	240,000	144,000	96,000
	Từ 101 kW đến 250 kW	Cái	64,500	15	967,500	516,000	451,500
	Từ 251kW đến 450 kW	Cái	85,200	20	1,704,000	681,600	1,022,400
	Trên 500 kW	Cái	108,000	25	2,700,000	540,000	2,160,000
	Tổ máy phát 9MW	Cái	478,800				
	Động cơ khác	trđ			7,000,000		
	Máy phát thủy điện	trđ			6,500,000		
2	Sửa chữa biến thế dầu	Cái			61,039,000	1,039,000	60,000,000
2.1	Biến thế phân phối			10	1,039,000	1,039,000	-
	Loại <180 KVA	Cái	25,000	1	25,000	25,000	
	Loại 250kVA đến 320kVA	Cái	36,000	2	72,000	72,000	
	Loại 400 KVA đến 560kVA	Cái	46,000	4	184,000	184,000	
	Loại 630 kVA - 800 kVA	Cái	58,000	1	58,000	58,000	
	Loại 1000kVA - 5600 KVA	Cái	230,000		-	-	-
	Loại 6300kVA - 10000 KVA	Cái	350,000	2	700,000	700,000	
2.2	Biến thế 110kV	1000đ			60,000,000		60,000,000
3	Sửa chữa TBA phòng nổ	Trạm		6	1,140,000	1,140,000	
	Loại 240 KVA	Trạm	85,000		-	-	
	Loại 320 - 400 KVA	Trạm	130,000	2	260,000	260,000	
	Loại 630 - 1250 KVA	Trạm	220,000	4	880,000	880,000	
III	Xây lắp công trình điện	1000đ			1,500,000	-	1,500,000
IV	Thí nghiệm hiệu chỉnh điện	1000đ			1,500,000	1,000,000	500,000
V	Sửa Chữa Biến tần, KĐM, Ất tô mát PN, KĐT PN, MC PN, Băng tải, Con lăn...	1000đ			10,000,000	10,000,000	
VI	Doanh thu khác	1000đ					
	Tổng cộng	1000đ			627.385.830	50.178,524	577.207.306

2. Kế hoạch đầu tư năm 2021 như sau:

TT	Tên dự án/Gói thầu	Đơn vị tính	KH thực hiện năm 2021	Ghi chú
<u>A</u>	DA: Khu xưởng sản xuất chế tạo thiết bị điện tại P. Cẩm Thạch, TP. Cẩm Phả, T. Quảng Ninh	Đồng	<u>34.429.870.010</u>	
<u>I.</u>	Tư vấn - Khảo sát	Đồng	<u>160,000,000</u>	
1	Tư vấn giám sát xây dựng công trình	Đồng	70,000,000	
2	Lập điều chỉnh QH chi tiết tỷ lệ 1/500 (lần 2)	Đồng	90,000,000	
<u>II.</u>	Xây dựng	Đồng	<u>9.888.219.955</u>	
1	Thiết kế, thi công xây dựng móng, nền	Đồng	1,704,019,115	
2	Thiết kế, thi công xây dựng phần kết cấu thép	Đồng	7,661,563,000	
3	Thi công tăng cứng, đánh bóng sàn nền	Đồng	197,935,000	
4	Xây dựng móng bồn dầu	Đồng	324,702,840	
<u>III.</u>	Thiết bị	Đồng	<u>24.381.623.055</u>	
1	Chuyển giao công nghệ	Đồng	3,297,600,000	
2	Cung cấp Hệ thống thử nghiệm MBA	Đồng	3.868.800.000	
3	Lắp đặt Hệ thống thử nghiệm MBA	Đồng	208,000,000	
4	Cung cấp, lắp đặt lò sấy	Đồng	1,109,452,500	
5	Cung cấp và lắp đặt máy quấn dây	Đồng	1,035,062,000	
6	Cung cấp và lắp đặt phòng thử nghiệm điện áp cao	Đồng	1,666,132,000	
7	Cung cấp máy xẻ năm, máy tạo góc, máy phay	Đồng	1,616,804,925	
8	Cung cấp, lắp đặt hệ thống dầu biến áp	Đồng	4,895,868,230	
9	Cung cấp thiết bị vận chuyển bằng đệm khí	Đồng	3,836,700,000	
10	Cung cấp máy nén khí	Đồng	1.107.000.000	
11	Cung cấp giá ghép lõi máy biến áp	Đồng	1,740,230,400	
<u>B</u>	Công trình khác	Đồng	<u>4,885,900,000</u>	
1	Mua sắm máy dựng bồi dây thủy lực	Đồng	535,900,000	
2	Mua sắm tổ máy phát điện 250kW	Đồng	650,000,000	
3	Mua sắm máy lọc dầu 8000lit	Đồng	2,500,000,000	
4	Thi công hệ thống nước thải	Đồng	1.200.000.000	

- Ngoài các dự án đầu tư trên phần phát sinh về sửa chữa lớn và các dự án đầu tư mới trong năm Hội đồng quản trị Công ty ra nghị quyết và quyết định bổ sung kịp thời theo quy định của Luật đầu tư.